

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG H
TỈNH PHÚ Y**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23/12/2021

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG H, TỈNH PHÚ Y**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Tr

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn T và Võ Hoài V

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hoà, tỉnh Phú Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hoà tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thúy N – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông H, tỉnh Phú Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Quỳnh N - sinh năm 1999; NKTT: Thôn Lộc Đ, xã Hòa T, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên; Hiện ở tại: Thôn Phước L 2, xã Hòa T, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Nguyễn Quốc H – sinh năm 1989; NKTT và chỗ ở: Thôn Lộc Đ, xã Hòa T, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên.

Hai bên đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 6 năm 2021, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh Như trình bày:** Bà và ông Nguyễn Quốc H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa T vào 02/8/2017, tuy nhiên cuộc sống chung giữa vợ chồng có nhiều bất đồng, mâu thuẫn. Ông H thường xuyên ăn nhậu kiếm chuyện mắng chửi bà, cho rằng bà lén đem tiền về nhà cho cha mẹ ruột nên cấm đoán và xúc phạm họ thậm tệ. Bà cố gắng chịu đựng mong ông thay đổi để vợ chồng làm ăn, nuôi con, nhưng đến ngày 23/5/2021, sau khi ông H nhậu say về chửi rửa và đòi đuổi bà ra khỏi nhà, bà đã đưa con về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Suốt mấy tháng ly thân ông H không níu kéo, hàn gắn mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, bà không

muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với ông H nên cương quyết yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Nhật M – sinh ngày 27/9/2018, hiện do bà nuôi dưỡng, chăm sóc. Từ khi mẹ con về nhà ngoại sống ông H chỉ tới thăm con vài ba lần, thời điểm dịch bệnh bùng phát ông H đòi chở con đi chơi nên bà không đồng ý. Nay bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ông H phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung: Khi nộp đơn ly hôn bà có kê khai tài sản chung và nợ chung để yêu cầu Tòa án giải quyết, tuy nhiên qua hòa giải, bà và ông H thống nhất sẽ tự thương lượng, không yêu cầu chia tài sản như đơn khởi kiện.

*** Bị đơn ông Nguyễn Quốc H trình bày tại bản tự khai, các biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:** ông thừa nhận quan hệ hôn nhân có mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nhưng ông không đánh đập, chửi mắng thậm tệ như bà N trình bày. Khi vợ chồng ly thân, bà N có quan hệ tình cảm với người khác nên không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng, phần ông vẫn thương yêu và muốn vợ chồng quay lại nhưng bà N không đồng ý. Ngoài ra khi làm ăn vợ chồng có bất đồng quan điểm về việc quản lý tiền bạc, ông nhiều lần yêu cầu bà N phải đưa tiền ra cho ông kiểm tra nhưng bà N không đồng ý. Tối ngày 22/5/2021 sau khi nhậu về ông biểu đưa tiền của vợ chồng ra đếm, bà N hẹn sáng hôm sau nhưng lại tự ý đưa con đi học xong về nhà cha mẹ ruột ở cho đến hôm nay. Đến nay, ông không muốn hàn gắn mâu thuẫn, không muốn duy trì quan hệ hôn nhân nên thuận tình ly hôn theo yêu cầu của bà N

- Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Nhật M – sinh ngày 27/9/2018. Từ tháng 5/2021, bà N đưa con về nhà ngoại ở, ông có gọi điện biểu cho con về nhà chơi mấy ngày nhưng bà N không đồng ý, bản thân ông có trực tiếp đến thăm con, mua quà và cho tiền con nhưng không nhớ cụ thể số tiền và số lần thăm con. Nay ông không đồng ý giao con cho bà N nuôi dưỡng vì bà N đi làm suốt ngày không có thời gian chăm sóc con, phần ông có cơ sở sản xuất bánh tráng tại nhà, thu nhập trên 15.000.000đ/tháng, đủ thời gian và điều kiện kinh tế hơn bà N nên muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu bà N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông thống nhất với bà N về việc tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:** Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, chấp hành đúng nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Bà N và ông H tự nguyện kết hôn, được UBND xã Hòa Thành cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, đương sự thống nhất ly hôn nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của bà N và ông H. Về con chung là Nguyễn Hoàng Nhật M – sinh ngày 27/9/2018, xét độ

tuổi của con chung còn nhỏ, để đảm bảo sự phát triển ổn định, bình thường của cháu M, đề nghị HĐXX giao bà N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ông H phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng là phù hợp điều kiện kinh tế và quy định tại Điều 107, 110, 106 và 107 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về tài sản chung không xem xét giải quyết vì các bên đương sự không yêu cầu. Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thì ông Nguyễn Quốc H đăng ký NKTT và hiện sinh sống tại thôn Lộc Đ, xã Hòa T, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. Do đó vụ án ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên theo các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Quỳnh N và ông Nguyễn Quốc H tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Hòa T, huyện Đông H (cũ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 109/2017 ngày 02/8/2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Bà N yêu cầu ly hôn vì ông H thường xuyên uống rượu bia về kiếm chuyện chửi bới, bạo hành, xúc phạm bà và gia đình vợ. Từ tháng 5/2021 bà đã đưa con về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay. Ông H thừa nhận cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, cho rằng vợ có quan hệ bất chính với người khác nên không còn tình cảm với chồng, đồng thời cả hai không có tiếng nói chung trong việc quản lý tài chính. Mặc dù cả hai không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng đều xác định cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân từ tháng 5/2021 và tại tòa ông H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N nên cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn của hai bên đương sự theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: bà N và ông H có một con chung tên là Nguyễn Hoàng Nhật M – sinh ngày 27/9/2018. Cả hai đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con, bà N yêu cầu ông H cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng, ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3.1] Nhận thấy tại thời điểm xét xử sơ thẩm cháu M mới 39 tháng tuổi, từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu sống với mẹ. Để đảm bảo sự phát triển ổn định và quyền lợi mọi mặt của con chung theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng cháu M là phù hợp với nguyện vọng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3.2] Ông H trình bày có cơ sở sản xuất bánh tráng tại nhà, thu nhập trên 15.000.000đ/tháng là đủ điều kiện về kinh tế để giành quyền nuôi con, tuy nhiên ông không quan tâm đến sự thay đổi về tâm lý của con chung khi phải sống xa mẹ, do đó HĐXX không chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông H. Đồng thời căn cứ vào

thu nhập, khả năng thực tế của ông H, nhu cầu thiết yếu của con chung, cần buộc ông H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) theo quy định tại các Điều 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt khi phát sinh một trong những trường hợp quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: bà N và ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: bà N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, ông H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh N và bị đơn ông Nguyễn Quốc H.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Quỳnh N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Nhật M – sinh ngày 27/9/2018. Ông Nguyễn Quốc H phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1tháng (*hai triệu đồng/một tháng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt khi phát sinh một trong những hợp quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở; Khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí: bà Nguyễn Thị Quỳnh N phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0004133 ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hoà. Ông Nguyễn Quốc Hòa phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TX Đông H;
- Các đương sự;
- UBND X.Hòa Thành
- Chi cục THADS TX Đông H;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Tuyết T